

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC ĐỘ HIỂU BIẾT TÀI CHÍNH CỦA SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẠC LIÊU

FACTORS AFFECTING THE FINANCIAL LITERACY OF STUDENTS IN BAC LIEU PROVINCE

Nguyễn Thị Phương*, Nguyễn Thị Hằng Nga

Trường Đại học Bạc Liêu

* nguyenphuong@blu.edu.vn

Ngày nhận bài:

6/3/2025

Ngày chấp nhận đăng:

20/3/2025

ABSTRACT

The study aims to measure and identify factors affecting the financial literacy of students in Bac Lieu province. The research applies quantitative methods using a multivariate regression model with primary data collected from 300 students at colleges and universities in the province. The regression results indicate 11 factors influencing students' financial literacy, including gender, field of study, academic year, academic performance, part-time work experience, frequency of following economic and financial news, parents' monthly income, parents' educational level, parents' occupation, financial discussions between parents and children, and sources of financial knowledge acquisition. Based on the findings, the study proposes several recommendations to improve students' financial literacy in the future.

Keywords: Financial literacy, students.

TÓM TẮT

Bài viết nhằm đo lường và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng với mô hình hồi quy đa biến với dữ liệu sơ cấp từ 300 sinh viên của các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Kết quả hồi quy cho thấy 11 yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết tài chính, bao gồm: giới tính, ngành học, năm học, kết quả học tập, kinh nghiệm làm thêm, mức độ xem tin tức về kinh tế, tài chính, thu nhập hàng tháng của cha/mẹ, trình độ học vấn của cha/mẹ, nghề nghiệp của cha/mẹ, mức độ thảo luận về tài chính của cha/mẹ với con cái, hiểu biết tài chính của bản thân có được từ ai. Từ đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần nâng cao mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên trên địa bàn trong thời gian tới.

Từ khóa: Hiểu biết tài chính, sinh viên.

1. Giới thiệu

Ngày 22/01/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 149/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện Quốc

gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030¹.

1. Quyết định 149/QĐ-TTg ngày 22/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện Quốc gia đến năm 2025, định hướng 2030

Chiến lược tài chính toàn diện hướng tới một trong các mục tiêu chính là “nâng cao hiểu biết tài chính (HBTC) cho người dân và doanh nghiệp, đảm bảo mọi người dân và doanh nghiệp có kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi ứng xử phù hợp trong lựa chọn và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính, xây dựng cơ chế bảo vệ người tiêu dùng tài chính để đảm bảo người tiêu dùng được cung cấp đầy đủ thông tin và đối xử công bằng”. HBTC ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự cân bằng, thịnh vượng của mỗi cá nhân nói riêng và sự ổn định, phát triển của nền kinh tế nói chung. Đối với các nền kinh tế mới nổi, công dân có hiểu biết về tài chính có thể đảm bảo rằng ngành tài chính có thể đóng góp hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế thực sự và giảm nghèo (Faboyede, Ben-Caleb, & Oyewo, 2014). Tuy nhiên, trình độ HBTC của người Việt Nam vẫn còn rất thấp, đặc biệt là sinh viên - thế hệ tương lai của đất nước (Nguyễn Thị Hoài Lê & Trần Thị Việt Thạch, 2023). Với đối tượng sinh viên, những người có sự HBTC thấp và thường chịu ảnh hưởng tiêu cực cho các quyết định tài chính thì rất cần sự quan tâm, hỗ trợ từ nhiều phía. Do đó, một trong những cách hiệu quả để nâng cao hiểu biết về tài chính của giới trẻ là xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục tài chính ngay trên ghế nhà trường. Vì vậy, HBTC của sinh viên đã nổi lên như một yếu tố quan trọng yếu tố quyết định cách khắc phục các vấn đề tài chính và cách quản lý (Mandell & Hanson, 2009). Trong những năm gần đây, các nước phát triển và đang phát triển ngày càng quan tâm đến kiến thức tài chính của người dân, đặc biệt là sinh viên. Trường Đại học Bạc Liêu với nhiệm vụ là trọng tâm đào tạo chất lượng cao của tiểu vùng bán đảo Cà Mau và Đồng bằng sông Cửu Long². Bên cạnh đó để góp phần thực hiện thành công

2. Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 24/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Bạc Liêu.

Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 18/02/2022 của Tỉnh ủy Bạc Liêu về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030³ trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu theo Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ thì việc đo lường hiểu biết tài chính cơ bản của người dân trên địa bàn tỉnh nói chung và đối tượng sinh viên nói riêng là rất cần thiết. Nghiên cứu này nhằm mục đích xác định các yếu tố ảnh hưởng đến HBTC của sinh viên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao mức độ HBTC của sinh viên trong tương lai.

2. Cơ sở lý luận và mô hình nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm HBTC

Cho đến nay, một định nghĩa chung về HBTC vẫn chưa có sự thống nhất hoàn toàn, mà thường điều chỉnh hay thay đổi tùy thuộc vào từng nghiên cứu của tác giả khác nhau hay mỗi chương trình triển khai của mỗi tổ chức (Nguyễn Thị Hoài Lê & Trần Thị Việt Thạch, 2023).

Theo Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO), thuật ngữ này không chỉ phản ánh khả năng nhận diện mà còn bao gồm khả năng áp dụng những kiến thức có được nhằm giải quyết một vấn đề nhất định. Một vài nghiên cứu trước đó, chẳng hạn như: (Lusardi & Mitchell, 2014), (Fernandes, Lynch Jr, & Netemeyer, 2014), (Carlin & Robinson, 2012) coi am hiểu tài chính là việc một cá nhân có được những kiến thức và HBTC, áp dụng những hiểu biết này để ra các quyết định tài chính.

(Vitt, Anderson, Kent, Lyter, Siegenthaler, & Ward, 2000) định nghĩa HBTC là khả năng

3. Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 18/02/2022 của Tỉnh ủy về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

đọc, phân tích, quản lý và trao đổi về các điều kiện tài chính cá nhân có ảnh hưởng đến sự hài lòng về đời sống vật chất. Nó bao gồm khả năng phân biệt các lựa chọn tài chính, thảo luận về tiền bạc và các vấn đề tài chính mà không (hoặc thậm chí) có sự không hài lòng, lập kế hoạch cho tương lai và hàng ngày có thể thích ứng tốt khi có các sự kiện trong cuộc sống ảnh hưởng đến các quyết định tài chính, bao gồm cả các sự kiện trong nền kinh tế nói chung.

Kế thừa các nghiên cứu nêu trên, để đạt được mục tiêu nghiên cứu và trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, khái niệm HBTC mà nhóm nghiên cứu lựa chọn được tiếp cận theo quan điểm của OECD. Theo OECD (2018), HBTC bao gồm ba nội dung cơ bản có liên quan mật thiết với nhau: kiến thức tài chính, hành vi tài chính và thái độ tài chính.

2.1.2. Đo lường HBTC

Các nghiên cứu trên thế giới về HBTC dành nhiều sự quan tâm đến vấn đề đo lường HBTC. Việc đo lường HBTC của các quốc gia được đánh giá thông qua các điều tra, khảo sát ở nhiều cấp độ khác nhau.

Một trong những nghiên cứu đặt nền móng cho việc đo lường HBTC của sinh viên đại học là nghiên cứu của (Danes & Hira, 1987). Nghiên cứu này sử dụng 51 câu hỏi để đo lường hiểu biết của HBTC về thể tín dụng, bảo hiểm, khoản vay cá nhân, việc lưu giữ những bản ghi chép thu chi, và quản lý tài chính nói chung.

(Lusardi & Mitchell, 2011) nghiên cứu HBTC tại Mỹ và đưa ra 3 câu hỏi trở thành tiêu chuẩn cho những nghiên cứu về HBTC gồm có: 01 câu hỏi về lãi suất; 01 câu hỏi về lạm phát; 01 câu hỏi về đa dạng hóa rủi ro. Các câu hỏi đều cho phép người được hỏi lựa chọn phương án “Tôi không biết” hoặc “Từ chối trả lời”. Thang đo này được cho là phù hợp với khảo sát HBTC của sinh viên.

(Özdemir, Temizel, Sönmez, & Er, 2015) nghiên cứu mức độ HBTC căn bản của những sinh viên tại đại học Annadolu sử dụng 22 câu hỏi 4 phương án về 5 nội dung: kiến thức chung, tiết kiệm & tiêu dùng, ngân hàng, rủi ro và bảo hiểm, đầu tư. Những câu hỏi cho phép sinh viên lựa chọn phương án “ Tôi không biết”.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD, 2016) trong cuộc khảo sát quốc tế về năng lực tài chính của người lớn đã đo lường HBTC qua việc đánh giá ba nội dung bao gồm kiến thức tài chính, hành vi tài chính và thái độ tài chính.

Như vậy, có thể thấy các nghiên cứu đo lường HBTC thường đánh giá một số chiều cạnh trong nội hàm của khái niệm bao gồm kiến thức, thái độ, hành vi cũng như các mối quan hệ lẫn nhau của chúng đều phải được xem xét trong một khái niệm bao quát về HBTC.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp chọn mẫu và thu thập dữ liệu

Phương pháp chọn mẫu: Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn quan sát mẫu theo định mức. Đối tượng khảo sát là sinh viên đang học tại trường Đại học Bạc Liêu, Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Bạc Liêu, Cao đẳng Y tế Bạc Liêu, Cao đẳng nghề Bạc Liêu.

Bảng 1: Số sinh viên của các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu năm 2024

Tên trường	Số sinh viên	% Số sinh viên
Đại học Bạc Liêu	2.035	48
Cao đẳng Y tế	706	16,6
Cao đẳng nghề	700	16,5
Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật	803	18,9
Tổng	4.244	100

Nguồn: Phòng CTCT & QLSV của các trường, tháng 3/2024

Bảng 2: Cỡ mẫu và phương pháp chọn quan sát mẫu

Tên trường	Cỡ mẫu	Phương pháp chọn quan sát mẫu
Đại học Bạc Liêu	144	Chọn mẫu theo định mức (quota)
Cao đẳng Y tế Bạc Liêu	50	Chọn mẫu theo định mức (quota)
Cao đẳng Nghề Bạc Liêu	50	Chọn mẫu theo định mức (quota)
Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Bạc Liêu	56	Chọn mẫu theo định mức (quota)
Tổng	300	

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tính toán

➤ Phương pháp thu thập dữ liệu

- Dữ liệu thứ cấp: Số liệu thứ cấp về số lượng sinh viên được thu thập từ Phòng đào tạo của các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

- Dữ liệu sơ cấp: Là các dữ liệu được thu thập từ bảng câu hỏi đo lường sự HBTC của sinh viên và được lấy ý kiến khảo sát của 300 của sinh viên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

2.2.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Phương pháp phân tích được sử dụng là phương pháp hỗn hợp. Phương pháp này được áp dụng theo cách thức kết hợp phương pháp định tính và định lượng.

- Phương pháp định tính: Phương pháp này áp dụng giải quyết mục tiêu 1, tác giả sử dụng phương pháp thống kê, mô tả đánh giá thực trạng HBTC của sinh viên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

- Phương pháp định lượng: Phương pháp này áp dụng giải quyết mục tiêu 2, trên cơ sở thu thập dữ liệu thứ cấp tác giả tiến hành xây dựng mô hình nghiên cứu, xây dựng đo lường các biến trong mô hình, chạy hồi quy để kiểm định tác động của các biến độc lập đến biến phụ thuộc. Cụ thể phân tích hồi quy xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ HBTC của sinh viên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

2.3. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên các nghiên cứu thực nghiệm

trước đây và kế thừa nghiên cứu của (Nguyễn Hoàng Thanh Trúc & Nguyễn Văn Định, 2023) để xác định mối quan hệ giữa các nhân tố tác động lên mức độ HBTC của sinh viên tại Bạc Liêu thì phương trình hồi quy tuyến tính đa biến là phù hợp nhất nên được sử dụng.

Từ đó, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu cụ thể như sau:

$$Y = \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \dots + \beta_{11} X_{11}$$

Trong đó:

Y: Mức độ HBTC

X₁: Giới tính

X₂: Ngành học

X₃: Số năm học

X₄: Kết quả học tập

X₅: Kinh nghiệm làm thêm

X₆: Mức độ xem tin tức về kinh tế, tài chính

X₇: Thu nhập hàng tháng của cha/mẹ

X₈: Trình độ học vấn của cha/mẹ

X₉: Nghề nghiệp của cha/mẹ

X₁₀: Mức độ thảo luận về tài chính của cha mẹ với con cái

X₁₁: HBTC của bản thân có được từ ai

$\beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4, \beta_5, \beta_6, \beta_7, \beta_8, \beta_9, \beta_{10}, \beta_{11}$: Hệ số hồi quy phân riêng

Bảng 3: Tổng hợp các biến trong mô hình

Tên biến	Giải thích	Mô tả	Căn cứ chọn biến	Kỳ vọng dấu
Y	Mức độ HBTC	Điểm HBTC được đo lường thông qua 18 câu hỏi thuộc kiến thức tài chính, hành vi tài chính và thái độ tài chính với tổng điểm tối đa là 18 điểm, tối thiểu là 0)	OECD & INFE (2018)	
X ₁	Giới tính	1: Nam; 0: Nữ	(Đinh Thị Thanh Vân & Nguyễn Thị Huệ, 2016) (Luksander, Beres, Huzdik, & Nemeth, 2014), (Sabri & MacDonald, 2010); (Sarigül, 2014)	+
X ₂	Ngành học	1: Ngành kinh tế 0: Ngành khác	(Lê Hoàng Anh và cộng sự, 2018) (Sarigül, 2014)	+
X ₃	Số năm học	1: Học năm thứ 1 2: Học năm thứ 2 3: Học năm thứ 3 4: Học năm thứ 4	(Lê Hoàng Anh và cộng sự, 2018) (Sarigül, 2014) (Jorgensen, 2007) (Ergün, 2018)	+
X ₄	Kết quả học tập	1. Trung bình 2. Khá 3. Giỏi 4. Xuất sắc 5. Khác	(Nguyễn Thị Ánh Ngọc, Đoàn Thị Thanh Hòa, & Nguyễn Thị Diễm, 2023); (Masud, Husniyah, Laily, & Britt, 2004) (Chen & Volpe, 1998), (Sabri & MacDonald, 2010)	+
X ₅	Kinh nghiệm làm thêm	1. Chưa từng làm thêm 2. Làm thêm dưới 1 năm 3. Làm thêm từ 1 năm trở lên	(Nguyễn Thị Ánh Ngọc, Đoàn Thị Thanh Hòa, & Nguyễn Thị Diễm, 2023); (Sarigül, 2014) (Beal & Delpachitra, 2003); (Akben-Selcuk & Altiok-Yilmaz, 2014)	+
X ₆	Mức độ xem tin tức về kinh tế, tài chính	1. Hàng ngày 2. Thỉnh thoảng 3. Không bao giờ	(Nguyễn Thị Ánh Ngọc, Đoàn Thị Thanh Hòa, & Nguyễn Thị Diễm, 2023); (Sarigül, 2014)	+

X ₇	Thu nhập hàng tháng của cha/mẹ	1. Từ 3 triệu đến 6 triệu 2. Từ 7 triệu đến 11 triệu 3. Trên 11 triệu	(Nguyễn Thị Ánh Ngọc, Đoàn Thị Thanh Hòa, & Nguyễn Thị Diễm, 2023); (Sarigül, 2014); (Jorgensen, 2007)	+
X ₈	Trình độ học vấn của cha/mẹ	1. Trung cấp trở xuống 2. Cao đẳng 3. Đại học 4. Sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ)	(Nguyễn Thị Ánh Ngọc, Đoàn Thị Thanh Hòa, & Nguyễn Thị Diễm, 2023); (Sarigül, 2014) (Murphy, 2005) (Mandell & Hanson, 2009)	+
X ₉	Nghề nghiệp của cha/mẹ	1. Thuộc lĩnh vực kinh tế 2. Lĩnh vực khác	(Nguyễn Thị Ánh Ngọc, Đoàn Thị Thanh Hòa, & Nguyễn Thị Diễm, 2023); (Sarigül, 2014) (Akben-Selcuk & Altioek-Yilmaz, 2014)	+
X ₁₀	Mức độ thảo luận về tài chính của cha/mẹ với con cái	1. Không bao giờ 2. thỉnh thoảng 3. Hàng ngày	(Nguyễn Thị Ánh Ngọc, Đoàn Thị Thanh Hòa, & Nguyễn Thị Diễm, 2023); (Sarigül, 2014) (Altintas, 2011)	+
X ₁₁	HBTC của bản thân có được từ ai	1. Từ người khác 2. Chỉ từ cha 3. Chỉ từ mẹ 4. Cả cha và mẹ	(Cude và cộng sự, 2006; Sarigül, 2014) (Clarke, Heaton, Israelsen, & Eggett, 2005)	+

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thống kê mô tả

Bảng 4: Mô tả mẫu nghiên cứu

Yếu tố	Câu trả lời	Số quan sát	%
Giới tính	Nam	128	42,7
	Nữ	172	57,3
Ngành học	Ngành kinh tế	159	53
	Ngành khác	141	47
Số năm học	Năm thứ nhất	40	13,3
	Năm thứ hai	45	15
	Năm thứ ba	131	43,7
	Năm thứ tư	84	28
Kết quả học tập	Trung bình	35	11,7
	Khá	80	26,7
	Giỏi	97	32,3
	Xuất sắc	88	29,3

Kinh nghiệm làm thêm	Chưa từng làm thêm	41	13,6
	< 1 năm	98	32,7
	> 1 năm	161	53,7
Mức độ xem tin tức về kinh tế, tài chính	Không bao giờ	42	14
	Thỉnh thoảng	113	37,7
	Hàng ngày	145	48,3
Thu nhập hàng tháng của cha/mẹ	Từ 3 triệu đến 6 triệu	39	13
	Từ 7 triệu đến 11 triệu	78	26
	Trên 11 triệu	183	61
Trình độ học vấn của cha/mẹ	Trung cấp trở xuống	14	4,7
	Cao đẳng	33	11
	Đại học	130	43,3
	Sau đại học	123	41
Nghề nghiệp của cha/mẹ	Thuộc lĩnh vực kinh tế	203	67,7
	Lĩnh vực khác	97	32,3
Mức độ thảo luận về tài chính của cha/mẹ với con cái	Không bao giờ	45	15
	Thỉnh thoảng	102	34
	Hàng ngày	153	51
HBTC của bản thân có được từ ai	Từ người khác	31	10,3
	Chỉ từ cha	69	23
	Chỉ từ mẹ	116	38,7
	Cả cha và mẹ	84	28

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm nghiên cứu

Bảng 4 cho thấy khái quát về các quan sát trong mô hình nghiên cứu với tỷ trọng nam sinh viên chiếm 42,7%, nữ chiếm 57,3%. Về ngành học, số lượng sinh viên có ngành học thuộc lĩnh vực kinh tế, tài chính chiếm tỷ trọng 53%. Trong số sinh viên thực hiện khảo sát, sinh viên đang học năm thứ ba và năm thứ tư chiếm tỷ trọng lớn với 71,7%. Về kết quả học tập, phần lớn sinh viên thực hiện khảo sát xếp loại học lực khá trở lên. Cụ thể: sinh viên xếp loại học tập khá chiếm tỷ trọng 26,7%, học lực loại giỏi với 32,3%, sau đó là xuất sắc chiếm tỷ trọng 29,3%. Về kinh nghiệm làm thêm, sinh viên đã làm thêm dưới 1 năm và trên 1 năm chiếm tỷ trọng lớn trong mẫu quan sát (86,4%). Trong 300 sinh viên thực hiện khảo sát có 258 sinh viên trả lời rằng xem tin

tức về kinh tế, tài chính ở mức độ thỉnh thoảng và hàng ngày (86%).

Về trình độ học vấn của cha/mẹ, kết quả khảo sát cho thấy phụ huynh có trình độ học vấn đại học, sau đại học chiếm tỷ trọng lớn 84,3%. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát còn cho biết số lượng phụ huynh có nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kinh tế, tài chính chiếm tỷ trọng lớn 67,7%. Ngoài ra, khi được hỏi về mức độ thảo luận về tài chính của cha/mẹ đối với con cái, sinh viên cho biết mức độ trao đổi thỉnh thoảng và hàng ngày là chủ yếu, chiếm tỷ trọng 85%. Về hiểu biết tài chính của sinh viên có được từ mẹ chiếm tỷ trọng lớn 38,7%.

3.2. Phân tích tương quan

Từ kết quả phân tích tương quan (Bảng 5)

có thể thấy rằng sự tương quan chặt chẽ giữa biến phụ thuộc (Mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên) với 11 biến độc lập (giới tính; ngành học; số năm học; kết quả học tập; kinh nghiệm làm thêm; mức độ xem tin tức về kinh tế, tài chính; thu nhập hàng tháng của cha/mẹ; trình độ học vấn của cha/mẹ; nghề nghiệp của

cha/mẹ; mức độ thảo luận về tài chính của cha mẹ với con cái; hiểu biết tài chính của bản thân có được từ ai). Hệ số tương quan đều có giá trị sig. = 0,000. Do đó có thể đưa các biến độc lập này vào mô hình hồi quy để giải thích cho sự thay đổi của biến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên.

Bảng 5: Hệ số tương quan

		X1	X2	X3	X4	X5	X6	X7	X8	X9	X10	X11	Y
X1	Pearson Correlation	1											
	Sig. (2-tailed)												
	N	300											
X2	Pearson Correlation	0,586**	1										
	Sig. (2-tailed)	0,000											
	N	300	300										
X3	Pearson Correlation	0,419**	0,367**	1									
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000										
	N	300	300	300									
X4	Pearson Correlation	0,366**	0,324**	0,405**	1								
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000									
	N	300	300	300	300								
X5	Pearson Correlation	0,361**	0,348**	0,223**	0,237**	1							
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000								
	N	300	300	300	300	300							
X6	Pearson Correlation	0,397**	0,364**	0,219**	0,284**	0,673**	1						
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000							
	N	300	300	300	300	300	300						
X7	Pearson Correlation	0,297**	0,230**	0,187**	0,187**	0,236**	0,270**	1					
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,001	0,001	0,000	0,000						
	N	300	300	300	300	300	300	300					
X8	Pearson Correlation	0,071	0,038	0,191**	0,070	0,145*	0,144*	0,066	1				
	Sig. (2-tailed)	0,221	0,511	0,001	0,229	0,012	0,012	0,256					
	N	300	300	300	300	300	300	300	300				
X9	Pearson Correlation	0,182**	0,082	0,015	0,123*	0,214**	0,356**	0,065	0,014	1			
	Sig. (2-tailed)	0,002	0,157	0,801	0,033	0,000	0,000	0,258	0,812				
	N	300	300	300	300	300	300	300	300	300			
X10	Pearson Correlation	0,371**	0,272**	0,119*	0,270**	0,412**	0,355**	0,261**	0,039	0,224**	1		
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,040	0,000	0,000	0,000	0,000	0,499	0,000			

N	300	300	300	300	300	300	300	300	300	300			
X11	Pearson Correlation	0,464**	0,341**	0,218**	0,319**	0,453**	0,376**	0,260**	0,119*	0,176**	0,415**	1	
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,039	0,002	0,000		
	N	300	300	300	300	300	300	300	300	300	300	300	
Y	Pearson Correlation	0,735**	0,607**	0,486**	0,527**	0,573**	0,584**	0,373**	0,219**	0,267**	0,471**	0,545**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.000	.000	.000	.000	.000	.000	.000	
	N	300	300	300	300	300	300	300	300	300	300	300	300

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

*. Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm nghiên cứu

3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

Bảng 6: Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hoá		Hệ số hồi quy chuẩn hoá	T	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Tolerance	VIF
(Hằng số)	-18,031	1,262		-14,283	0,000		
Giới tính	4,119	0,479	0,338	8,592	0,000	0,506	1,977
Ngành học	2,009	0,479	0,151	4,193	0,000	0,606	1,650
Năm đào tạo	0,852	0,275	0,104	3,098	0,002	0,695	1,439
Kết quả học tập	1,210	0,229	0,172	5,281	0,000	0,737	1,358
Mức độ xem tin tức kinh tế, tài chính	1,243	0,337	0,149	3,686	0,000	0,477	2,095
Kinh nghiệm làm thêm	0,920	0,346	0,109	2,661	0,008	0,463	2,158
Thu nhập hàng tháng của cha/mẹ	0,600	0,255	0,071	2,351	0,019	0,856	1,168
Trình độ học vấn của cha/mẹ	0,715	0,202	0,102	3,543	0,000	0,938	1,066
Nghề nghiệp của cha/mẹ	0,857	0,394	0,067	2,175	0,030	0,837	1,195
Thảo luận tài chính của cha/mẹ với con cái	0,709	0,311	0,076	2,276	0,024	0,706	1,416
Hiểu biết tài chính của bản thân có được từ ai	0,488	0,222	0,077	2,200	0,029	0,643	1,555
Số quan sát	300						
R ² hiệu chỉnh	0,766						
Sig.	0,000						

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy hệ số xác định R^2 hiệu chỉnh = 0,766, vì vậy đây là mô hình thích hợp để sử dụng đánh giá mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập. Bên cạnh đó hệ số phóng đại phương sai (VIF - Variance Inflation Factor) trong bảng có giá trị nhỏ hơn 10 nên mô hình đảm bảo không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập.

Kết quả hồi quy cho thấy trong 11 biến độc lập đều có ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu ở mức ý nghĩa thống kê 5%. Các biến đó là giới tính; ngành học; số năm học; kết quả học tập; kinh nghiệm làm thêm; mức độ xem tin tức về kinh tế, tài chính; thu nhập hàng tháng của cha/mẹ; trình độ học vấn của cha/mẹ; nghề nghiệp của cha/mẹ; mức độ thảo luận về tài chính của cha mẹ với con cái; hiểu biết tài chính của bản thân có được từ ai. Hệ số hồi quy được chuẩn hóa cho biết tầm quan trọng của các biến độc lập trong mô hình, như vậy giới tính và kết quả học tập có tác động mạnh nhất đến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Sự tác động của từng nhân tố đến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên được giải thích như sau:

Kết quả thu được từ mô hình hồi quy bội cho biết rằng giới tính có ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên. Cụ thể, điểm trung bình hiểu biết tài chính của nam thấp hơn điểm trung bình của nữ. Điều này được giải thích do sinh viên nữ có xu hướng lập kế hoạch dự tính mức chi tiêu hàng tháng và khả năng tiết kiệm cao hơn so với sinh viên nam. Kết quả này phù hợp với hầu hết các nghiên cứu trước đây của Nguyễn Thị Hải Yến (2017), Mandell và Klein (2009). Tuy nhiên, kết quả này lại trái ngược với kết quả của các nghiên cứu của Kharchenko (2011), Arrondel, Debbich, và Savignac (2014), Hassan Al-Tamimi và Anood Bin Kalli (2009), Lusardi và Mitchell (2011): nam giới quản lý tài chính tốt hơn nữ giới. Điều này được lý giải do sự

khác nhau giữa nền văn hóa các nước trên thế giới, phụ nữ ở một số nước ngoài có điểm hiểu biết tài chính thấp hơn đáng kể so với nam giới, dẫn đến khả năng đánh giá và quản lý dòng tiền kém hơn, từ đó ít có trách nhiệm trong việc chi tiêu.

Kết quả nghiên cứu cho thấy kết quả học tập có ý nghĩa thống kê. Nói cách khác, kết quả học tập có ảnh hưởng tích cực đến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên. Cụ thể, trong nghiên cứu này thì mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên có học lực khá sẽ ít hơn so với sinh viên có học lực giỏi. Kết quả này cũng đã được tìm thấy trong các nghiên cứu trước đây. Chen và Volpe (1998), Sabri và MacDonald (2010), Shim, Barber, Card, Xiao, và Serido (2010), Masud và cộng sự (2004) đã chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa kết quả học tập và mức độ hiểu biết tài chính, nghiên cứu chỉ ra rằng sinh viên có điểm trung bình tích lũy cao hơn thì có mức độ hiểu biết tài chính tốt hơn. Nghiên cứu này còn chỉ ra rằng các sinh viên có điểm trung bình tích lũy cao thường có xu hướng học hỏi kiến thức tài chính từ bạn bè nhiều hơn những sinh viên có điểm trung bình tích lũy thấp.

Ngành học có tác động thuận chiều đến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên. Cụ thể, sinh viên học khối ngành kinh tế sẽ có điểm trung bình hiểu biết tài chính cao hơn các sinh viên học khối ngành khác, do sinh viên không thuộc khối ngành kinh tế chỉ được giảng dạy các môn chuyên ngành và một số môn học thực tế, tuy nhiên hầu như không có môn học liên quan đến quản lý tài chính cá nhân. Hơn nữa, chương trình giảng dạy của các sinh viên theo ngành kinh tế được tiếp cận trực tiếp các vấn đề liên quan đến tài chính và các sinh viên cũng chủ động tìm hiểu về các kiến thức kinh tế. Kết quả nghiên cứu này là hoàn toàn tương tự như kết quả thu được từ các nghiên cứu của Nguyễn Thị Hải Yến (2017), Chen và Volpe (1998), Peng, Bartholomae, Fox, và Cravener (2007).

Mức độ xem tin tức về kinh tế, tài chính có cũng có ảnh hưởng tích cực đến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên. Cụ thể, mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên thỉnh thoảng hoặc hàng ngày xem tin tức tài chính thì cao hơn so với sinh viên không bao giờ xem tin tức về tài chính. Điều này cũng hoàn toàn đúng trong thực tế. Hiện nay, các thông tin về kinh tế, tài chính được thường xuyên cập nhật trên các website của ngân hàng, các trang tin tức chuyên về tài chính... nên sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận với các nguồn thông tin tài chính bằng nhiều kênh khác nhau. Không chỉ đối với sinh viên mà với cả những đối tượng khác thì việc thường xuyên xem, nghe các tin tức về kinh tế, tài chính có ảnh hưởng tích cực đến mức độ hiểu biết tài chính của họ. Thông qua việc nghe, đọc các tin tức này, sinh viên sẽ thu thập, học hỏi thêm nhiều kiến thức, kỹ năng về tài chính có liên quan, góp phần hỗ trợ cho họ trong việc quản lý tài chính cá nhân, có thêm kiến thức về các sản phẩm tài chính.

Kinh nghiệm làm thêm có ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Cụ thể, nếu sinh viên đã từng đi làm thêm thì xác suất hiểu biết tài chính tốt hơn sinh viên chưa từng đi làm thêm. Điều này hoàn toàn tương đồng với các nghiên cứu trước đây. Những người có kinh nghiệm làm thêm lâu hơn có xu hướng hiểu biết về tài chính ở mức độ cao hơn do quen thuộc hơn với các vấn đề kinh tế và tài chính. Almenberg và Säve-Söderbergh (2011), Calamato (2010), Ansong và Gyensare (2012) cho rằng kinh nghiệm làm thêm ảnh hưởng tích cực đến kiến thức tài chính của cá nhân khi họ thực hiện một cuộc khảo sát trong số 250 sinh viên Đại học của Cape Coast.

Số năm đào tạo có ảnh hưởng thuận chiều với mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng sinh viên có số năm học càng cao hoặc đã ra trường có xu hướng hiểu biết tài chính hơn sinh viên

năm nhất, năm hai. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Hải Yến (2017). Hầu hết các sinh viên có chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực kinh tế đã học về các môn tài chính cơ bản kể từ năm đầu tiên. Do đó, mức độ hiểu biết tài chính của họ sẽ tăng dần theo từng năm cùng với chương trình học nâng cao hơn ở các năm học về sau của họ. Các sinh viên năm nhất khi tiếp cận với môi trường đại học nên sẽ gặp nhiều vấn đề liên quan đến chi tiêu hàng ngày và rủi ro tài chính, do đó sẽ phải trau dồi và học hỏi thêm nhiều kiến thức để thích nghi dần với môi trường mới này. Ngoài ra, sinh viên càng học lên cao thì càng được tiếp cận với các công cụ tài chính. Ngay cả đối với những người không phải sinh viên khối ngành kinh tế, kiến thức của họ cũng có thể cải thiện trong quá trình học do nhu cầu ngày càng tăng của họ về việc tìm hiểu về tài chính để tham gia vào thị trường sau khi tốt nghiệp (Nguyễn Thị Hải Yến, 2017).

Trình độ học vấn của cha/mẹ cũng là một yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng nếu cha/mẹ của sinh viên có trình độ học vấn đại học, sau đại học thì con cái của họ sẽ có xác suất hiểu biết tài chính tốt hơn những sinh viên mà trình độ học vấn của cha mẹ là cao đẳng. Điều này hoàn toàn tương đồng với các nghiên cứu trước đây. Murphy (2005) đã chỉ ra rằng các sinh viên xuất thân từ một gia đình được giáo dục đầy đủ sẽ am hiểu về tài chính hơn và việc thường xuyên trao đổi kiến thức về lĩnh vực tài chính với cha, mẹ sẽ củng cố nhận thức của sinh viên về tài chính. Một nghiên cứu khác cũng cho rằng học vấn của cha/mẹ thực sự ảnh hưởng lớn đến nhận thức tài chính của một người, đặc biệt khi họ tốt nghiệp từ bậc học Cao đẳng trở lên (Lusardi, Mitchell, & Curto, 2010).

Hiểu biết tài chính của bản thân có được từ ai có ảnh hưởng tích cực đến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên. Kết quả nghiên

cứu này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Moreno, Muñoz, Cuellar, Domancic, và Villanueva (2018), khả năng hiểu biết tài chính của sinh viên có liên quan chặt chẽ đến việc hiểu giá trị của tiết kiệm và thảo luận vấn đề tiền bạc với cha mẹ.

Thảo luận về tài chính của cha/mẹ đối với sinh viên cũng là một trong các yếu tố có ảnh hưởng đến hiểu biết tài chính của sinh viên. Kết quả hồi quy cho thấy cha/mẹ thảo luận với con cái về tài chính với mức độ hàng ngày thì con cái của họ sẽ có hiểu biết tài chính tốt hơn so với nhóm sinh viên mà cha/mẹ không bao giờ thảo luận với họ về tài chính. Điều này hoàn toàn thuyết phục, các trải nghiệm, thảo luận về tài chính có mối quan hệ thuận chiều tới hiểu biết tài chính của mỗi người như kết quả của Altintas (2011) và Frijns, Gilbert, và Tourani-Rad (2014).

Thu nhập của cha/mẹ có mối tương quan thuận chiều với mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên, vì đơn giản rằng, thu nhập cao hơn sẽ có nhiều cơ hội để tiếp xúc với các sản phẩm dịch vụ tài chính như thẻ tín dụng, ví điện tử, tiền gửi tiết kiệm, đầu tư, bảo hiểm... Mức thu nhập càng cao, các cá nhân có xu hướng tiêu dùng và sử dụng dịch vụ tài chính nhiều hơn nên kinh nghiệm và kiến thức của họ cũng cao hơn so với những người có thu nhập thấp. Bên cạnh đó, sẽ có điều kiện để tham gia các khóa học, lớp bồi dưỡng nâng cao kiến thức tài chính. Kết quả nghiên cứu cũng trùng khớp với kết quả của Lusardi và Mitchell (2014).

Nghề nghiệp của cha/mẹ có mối quan hệ thuận chiều với mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên. Những sinh viên có cha/mẹ làm việc liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm... có điểm số về hiểu biết tài chính cao hơn những sinh viên có cha/mẹ làm việc trong các lĩnh vực khác. Cha mẹ có nghề nghiệp trong các lĩnh vực liên quan đến kinh tế, tài chính thường có nhiều cơ hội truyền đạt

kiến thức tài chính và định hướng thói quen tài chính tích cực cho con cái. Điều này góp phần giúp sinh viên có nền tảng kiến thức tài chính tốt hơn so với những sinh viên có cha mẹ làm các công việc không liên quan đến tài chính. Kết quả nghiên cứu của Akben-Selcuk và Altiok-Yilmaz (2014) cũng đã chỉ ra điều này.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

4.1. Kết luận

Nghiên cứu đã sử dụng mô hình hồi quy đa biến làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Thông qua khảo sát 300 sinh viên thuộc các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh và ứng dụng mô hình hồi quy tuyến tính bội, nghiên cứu đã xác định được 11 yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết tài chính, bao gồm: giới tính, ngành học, năm học, kết quả học tập, kinh nghiệm làm thêm, mức độ xem tin tức về kinh tế, tài chính, thu nhập hàng tháng của cha/mẹ, trình độ học vấn của cha/mẹ, nghề nghiệp của cha/mẹ, mức độ thảo luận về tài chính của cha/mẹ với con cái, hiểu biết tài chính của bản thân có được từ ai.

Trong đó, yếu tố giới tính có tác động mạnh nhất đến mức độ hiểu biết tài chính, tiếp đến là kết quả học tập và ngành học. Đặc biệt, việc thảo luận tài chính trong gia đình và trình độ học vấn của cha mẹ cũng có ảnh hưởng đáng kể đến nhận thức tài chính của sinh viên.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, để nâng cao mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên, cần có sự phối hợp từ nhiều phía như gia đình, nhà trường và các cơ quan quản lý nhà nước. Nhà trường cần tăng cường lồng ghép các kiến thức tài chính vào chương trình đào tạo, trong khi đó, gia đình cần chú trọng trao đổi và hướng dẫn con cái về các vấn đề tài chính ngay từ khi còn nhỏ.

4.2. Hàm ý chính sách

Qua kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiểu biết tài chính cá nhân của sinh viên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, có thể thấy việc cải thiện hiểu biết tài chính của sinh viên là cần thiết, nhóm tác giả đưa ra hàm ý theo hướng tiếp cận các bên liên quan bao gồm: cá nhân; nhà trường; gia đình; phía nhà nước, các cơ quan ban ngành.

4.2.1. Về phía sinh viên

4.2.1.1. Sinh viên cần chủ động học hỏi và nâng cao hiểu biết tài chính, từ đó hoàn thiện thái độ và hành vi tài chính cho bản thân

Như quan điểm đề tài đã nêu, hiểu biết tài chính phải được tích lũy dần và yêu cầu học tập trọn đời. Việc tăng cường kiến thức tài chính sẽ làm nhận thức của sinh viên về tài chính thay đổi, từ đó, các hành vi tài chính và thái độ tài chính cũng có những cải thiện.

Những kiến thức được trang bị tại trường học chỉ là nền tảng ban đầu, kiến thức cơ bản để người học có thể tự mở rộng tầm hiểu biết của mình. Vì vậy, để có khả năng quản lý TCCN hiệu quả sau khi rời trường học, đòi hỏi sinh viên phải nỗ lực tự học hỏi, rèn luyện các kỹ năng, hình thành các thói quen, tháo độ tốt khi đưa ra các quyết định tài chính, hướng tới các hành vi tài chính tốt.

4.2.1.2. Tìm kiếm cơ hội việc làm để gia tăng nguồn thu, đồng thời tăng trải nghiệm và kỹ năng quản lý tài chính cá nhân để dần thay đổi thái độ và hành vi của sinh viên về tài chính cá nhân

Kết quả khảo sát cho thấy, kinh nghiệm làm thêm có ảnh hưởng đến HBTC, sinh viên có đi làm thêm sẽ có HBTC hơn sinh viên chưa từng đi làm thêm. Khi các sinh viên tham gia hoạt động làm thêm tự tạo thu nhập sẽ có nhìn nhận đúng hơn về giá trị đồng tiền, cũng cần các tính toán bắt buộc do công việc yêu cầu, từ đó sẽ có khả năng quản lý TCCN tốt hơn.

4.2.2. Về phía nhà trường

4.2.2.1. Cấp trung học phổ thông

Kinh nghiệm từ các nước phát triển trên thế giới cho thấy giáo dục đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển của mỗi quốc gia. Vì vậy, giải pháp để nâng cao kiến thức tài chính cho sinh viên trước khi bắt đầu bước vào giảng đường đại học là cần lồng ghép các kiến thức tài chính vào các chương trình giáo dục ở bậc học phổ thông nhằm trang bị các kiến thức cơ bản về tài chính cho các em.

4.2.2.2. Cấp đại học

➤ *Xây dựng và hoàn thiện nội dung giáo dục tài chính cá nhân chính quy ở các trường đại học*

Một thực tế đã chỉ ra ở nhiều công trình nghiên cứu và kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu đều cho thấy các chương trình GDTC chính quy tại các trường đại học đóng vai trò quan trọng nhất để nâng cao HBTC. Thực tế này một phần do các chương trình GDTC chính quy thường có tính khoa học, bài bản, lại do các chuyên gia có chuyên môn xây dựng và kiểm duyệt.

➤ *Xây dựng và phát triển kho học liệu về giáo dục tài chính cá nhân tại các trường đại học*

Học liệu là một phần không thể thiếu trong mọi chương trình giáo dục, đào tạo. Đối với GDTCN học liệu đóng một vai trò hết sức quan trọng. Bởi vì, không giống như các chương trình giáo dục khác, GDTCN cần tạo người học có đủ cả kiến thức, kỹ năng, hành vi và thái độ đúng đắn, phù hợp với đặc điểm của từng cá nhân. Trong đó kỹ năng, hành vi và thái độ phải được hình thành và tích lũy dần, khó có thể tiếp nhận trực tiếp và ngay lập tức như “kiến thức”. Bởi vậy, nếu chỉ dựa vào các chương trình giáo dục trực tiếp, chính quy và các kiến thức được truyền thụ bởi giảng viên sẽ rất khó để người học hoàn thiện tất cả kỹ năng. Học liệu đầy đủ, đa dạng, phù hợp

trong điều kiện đó sẽ trở thành công cụ đắc lực để giúp người học hoàn thiện HBTC cá nhân của mình.

➤ *Phát huy vai trò các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia vào hoạt động giáo dục tài chính*

Tại các trường đại học, các tổ chức đoàn thể đóng một vai trò hết sức quan trọng trong hoàn thiện nhân cách và phẩm chất của sinh viên. Vì vậy, có thể phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nâng cao hiểu biết TCCN cho sinh viên tại các trường đại học.

4.2.3. Về phía gia đình

Kết quả nghiên cứu cho thấy trình độ học vấn của cha mẹ có ảnh hưởng tích cực đến hiểu biết tài chính của sinh viên. Điều này ngụ ý, các bậc phụ huynh cần nâng cao trình độ học vấn phù hợp với năng lực, yêu cầu nghề nghiệp của bản thân để góp phần truyền đạt, chia sẻ, nâng cao hiểu biết tài chính cho con cái. Không những thế, trình độ học vấn của cha mẹ cũng là yếu tố tạo động lực để con cái phấn đấu ở hiện tại và trong tương lai.

Kết quả nghiên cứu cũng đã chỉ ra việc thương xuyên trao đổi, thảo luận về tài chính với con cái sẽ có ảnh hưởng tích cực đến hiểu biết tài chính của sinh viên. Do đó, các bậc phụ huynh nên thường xuyên nói chuyện, chia sẻ, hướng dẫn con cái các vấn đề về tài chính đơn giản, gần gũi và quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày để chúng có thêm kiến thức về tài chính, mạnh dạn chia sẻ vấn đề tài chính bản thân với cha mẹ. Bên cạnh đó, các bậc cha mẹ cũng nên để con cái chủ động quản lý tài chính cá nhân thông qua các sản phẩm như thẻ ngân hàng; tập thói quen cho các con quản lý chi tiêu hằng tháng.

4.2.4. Nhóm giải pháp về phía chính sách Nhà nước

Hiểu biết về tài chính đang nhanh chóng được công nhận là một kỹ năng cốt lõi, cần thiết cho người tiêu dùng hoạt động trong bối

cảnh tài chính ngày càng phức tạp. Do đó, không có gì ngạc nhiên khi các chính phủ trên khắp thế giới quan tâm đến việc tìm ra các phương pháp tiếp cận hiệu quả để cải thiện mức độ hiểu biết về tài chính của người dân (Atkinson & Messy, 2012). Vì thế, Chính phủ Việt Nam cũng cần ban hành các chủ trương, chính sách nhằm tuyên truyền vai trò của tài chính cá nhân cũng như khuyến khích người dân nói chung, đối tượng học sinh, sinh viên nói riêng tự nâng cao hiểu biết tài chính cá nhân. Bên cạnh đó, nhà nước cũng cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân học hỏi các kiến thức kinh tế tài chính qua các kênh, phương tiện truyền thông, báo chí, Internet... để dễ dàng quản lý chi tiêu và ra quyết định về tài chính.

Giáo dục tài chính ngày càng phổ biến trên thế giới. Theo khảo sát của OECD, có 59 quốc gia đã xây dựng chiến lược quốc gia để giáo dục tài chính, khu vực Đông Nam Á có Singapore và Malaysia đã xây dựng chiến lược này. Vì thế, nhà nước có thể học kinh nghiệm của các nước phát triển như thiết lập các trang web giáo dục kiến thức tài chính miễn phí, cử đại diện đi học hỏi kinh nghiệm từ những quốc gia phát triển về lĩnh vực này. Ở nhiều quốc gia, chiến lược quốc gia về giáo dục tài chính là một bộ phận của một chương trình tổng thể lớn. Ở hầu hết các nước này, chiến lược quốc gia gắn chặt chẽ ngay từ đầu với các chiến lược bảo vệ người tiêu dùng tài chính và được xem như một phần bổ sung cho hoạt động điều tiết trong lĩnh vực tài chính (Atkinson & Messy, 2012).

Sự hậu thuẫn nhiệt tình của các cơ quan ban ngành chính là động lực mạnh mẽ cho toàn thể người dân nói chung cũng như sinh viên nói riêng học tập các kiến thức về kinh tế tài chính. Quan trọng hơn, Chính phủ cần có một tầm nhìn dài hạn, một chiến lược giáo dục tài chính để cụ thể hóa mục tiêu phổ cập giáo dục tài chính này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Akben-Selcuk, E., & Altıok-Yılmaz, A. (2014). Financial literacy among Turkish college students: The role of formal education, learning approaches, and parental teaching. *Psychological reports, 115*(2), 351-371.
- Almenberg, J., & Säve-Söderbergh, J. (2011). Financial literacy and retirement planning in Sweden. *Journal of pension economics & finance, 10*(4), 585-598.
- Altıntaş, K. M. (2011). The dynamics of financial literacy within the framework of personal finance: An analysis among Turkish university students. *African Journal of Business Management, 5*(26), 10483-10491.
- Ansong, A., & Gyensare, M. A. (2012). Determinants of university working-students' financial literacy at the University of Cape Coast, Ghana.
- Arrondel, L., Debbich, M., & Savignac, F. (2014). Financial literacy and financial planning in France.
- Beal, D., & Delpachitra, S. (2003). Financial literacy among Australian university students. *Economic Papers: A journal of applied economics and policy, 22*(1), 65-78.
- Calamato, M. P. (2010). *Learning financial literacy in the family*: San Jose State University.
- Carlin, B. I., & Robinson, D. T. (2012). What does financial literacy training teach us? *The journal of economic education, 43*(3), 235-247.
- Chen, H., & Volpe, R. P. (1998). An analysis of personal financial literacy among college students. *Financial services review, 7*(2), 107-128.
- Clarke, M. C., Heaton, M. B., Israelsen, C. L., & Eggett, D. L. (2005). The acquisition of family financial roles and responsibilities. *Family and Consumer Sciences Research Journal, 33*(4), 321-340.
- Cude, B., Lawrence, F., Lyons, A., Metzger, K., LeJeune, E., Marks, L., & Machtmes, K. (2006). College students and financial literacy: What they know and what we need to learn. *Proceedings of the Eastern Family Economics and Resource Management Association, 102*(9), 106-109.
- Danes, S. M., & Hira, T. K. (1987). Money management knowledge of college students. *Journal of Student Financial Aid, 17*(1), 1.
- Đinh Thị Thanh Vân, & Nguyễn Thị Huệ. (2016). Đo lường và đánh giá các yếu tố tác động tới hiểu biết tài chính cá nhân của sinh viên. *Tạp chí Ngân hàng, số, 18*, 9-14.
- Ergün, K. (2018). Financial literacy among university students: A study in eight European countries. *International journal of consumer studies, 42*(1), 2-15.
- Faboyede, S., Ben-Caleb, E., & Oyewo, B. (2014). *Financial literacy education: Key to poverty alleviation and national development in Nigeria*. Paper presented at the INTED2014 Proceedings.
- Fernandes, D., Lynch Jr, J. G., & Netemeyer, R. G. (2014). Financial literacy, financial education, and downstream financial behaviors. *Management science, 60*(8), 1861-1883.
- Frijns, B., Gilbert, A., & Tourani-Rad, A. (2014). Learning by doing: The role of financial experience in financial literacy. *Journal of Public Policy, 34*(1), 123-154.
- Hassan Al-Tamimi, H. A., & Anood Bin Kalli, A. (2009). Financial literacy and investment decisions of UAE investors. *The journal of risk finance, 10*(5), 500-516.
- Jorgensen, B. L. (2007). *Financial literacy of college students: Parental and peer influences*. Virginia Tech,
- Kharchenko, O. (2011). Financial literacy in Ukraine: Determinants and implications for saving behavior. *Ukraine: Kyiv School of Economic*.
- Luksander, A., Beres, D., Huzdik, K., & Nemeth, E. (2014). Analysis of the factors that influence the financial literacy of young people studying in higher education= A felsőoktatásban tanuló fiatalok pénzügyi kultúráját befolyásoló tényezők vizsgálata. *PÉNZÜGYI SZEMLE/PUBLIC FINANCE*

QUARTERLY, 59(2), 220-241.

- Lusardi, A., & Mitchell, O. S. (2011). Financial literacy around the world: an overview. *Journal of pension economics & finance*, 10(4), 497-508.
- Lusardi, A., & Mitchell, O. S. (2014). The economic importance of financial literacy: Theory and evidence. *American Economic Journal: Journal of Economic Literature*, 52(1), 5-44.
- Lusardi, A., Mitchell, O. S., & Curto, V. (2010). Financial literacy among the young. *Journal of consumer affairs*, 44(2), 358-380.
- Mandell, L., & Hanson, K. O. (2009). *The impact of financial education in high school and college on financial literacy and subsequent financial decision making*. Paper presented at the American Economic Association Meetings, San Francisco, CA.
- Mandell, L., & Klein, L. S. (2009). The impact of financial literacy education on subsequent financial behavior. *Journal of financial counseling and planning*, 20(1).
- Masud, J., Husniyah, A., Laily, P., & Britt, S. (2004). *Financial behaviour and problems among university students: needs for financial education*: Journal of personal Financial, Vol. 3, Issues 1.
- Moreno, B., Muñoz, M., Cuellar, J., Domancic, S., & Villanueva, J. (2018). Revisión Sistemática: definición y nociones básicas. *Revista clínica de periodoncia, implantología y rehabilitación oral*, 11(3), 184-186.
- Murphy, A. J. (2005). Money, money, money: An exploratory study on the financial literacy of black college students. *College Student Journal*, 39(3), 478-489.
- Nguyễn Hoàng Thanh Trúc, & Nguyễn Văn Định. (2023). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết tài chính của người dân tỉnh Vĩnh Long. *Tạp Chí Khoa Học Trường Đại Học Quốc Tế Hồng Kông*, 151-158.
- Nguyễn Thị Ánh Ngọc, Đoàn Thị Thanh Hòa, & Nguyễn Thị Diễm. (2023). Giải pháp nâng cao hiểu biết tài chính của sinh viên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, Số 69 (79).
- Nguyễn Thị Hải Yến. (2017). *Evaluate Financial Literacy of Vietnamese Students in Higher Education and Its Determinants-The need of Financial Education*. Paper presented at the Conference Papers—VEAM 2017.
- Nguyễn Thị Hoài Lê, & Trần Thị Việt Thạch. (2023). *Nâng cao hiểu biết tài chính cá nhân cho sinh viên Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Özdemir, A., Temizel, F., Sönmez, H., & Er, F. (2015). Financial literacy of university students: A case study for anadolu university, Turkey. *Uluslararası Yönetim İktisat ve İşletme Dergisi*, 11(24), 97-110.
- Peng, T.-C. M., Bartholomae, S., Fox, J. J., & Cravener, G. (2007). The impact of personal finance education delivered in high school and college courses. *Journal of family and economic issues*, 28, 265-284.
- Sabri, M. F., & MacDonald, M. (2010). Savings behavior and financial problems among college students: The role of financial literacy in Malaysia. *Cross-Cultural Communication*, 6(3), 103-110.
- Sarigül, H. (2014). A Survey of Financial Literacy Among University Students. *Journal of Accounting & Finance/Muhasebe ve Finansman Dergisi*(64).
- Shim, S., Barber, B. L., Card, N. A., Xiao, J. J., & Serido, J. (2010). Financial socialization of first-year college students: The roles of parents, work, and education. *Journal of youth and adolescence*, 39, 1457-1470.
- Vitt, L. A., Anderson, C., Kent, J., Lyter, D. M., Siegenthaler, J. K., & Ward, J. (2000). Personal finance and the rush to competence: Financial literacy education in the US. *Institute for Socio-Financial Studies Working Paper*; <http://www.isfs.org/documentspdfs/rep-finliteracy.pdf>.